

V/v Thông báo điều chỉnh thông tin sản phẩm sau khi tự
công bố.

Re: *Product information adjustment announcement after
Self-declaration*

Kính gửi: Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc

To: *Ministry of Agriculture and Rural Development Vinh Phúc*

Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật trân trọng gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Sở Nông
Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc trong thời gian qua.

*Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. would like to sincerely thanks for support of the Ministry
of Agriculture and Rural Development Vinh Phúc towards our unit during the past period.*

Ngày 25/11/2024 Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật là đơn vị thực hiện tự công bố các
sản phẩm theo trình tự tại Điều 5, Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định về nội dung Hướng dẫn
Luật An toàn Thực phẩm, bao gồm:

*On 25th November 2024 Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. completed the self-declaration
of products in accordance with the procedures specified in Article 5 of Decree 15/2018/ND-CP,
which provides guidance on the Food Safety Law, including:*

STT. No.	Số hồ sơ Document no.	Ngày công bố Date	Tên sản phẩm Name product
1	03/JVL-TD/2024	25/11/2024	BỘ LÒNG BÒ (<i>OFFALS SET</i>)

Bằng thông báo này, căn cứ theo Khoản 4, Điều 5, Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi
tiết về một số nội dung của Luật An toàn Thực phẩm, Công ty xin thông báo đến Quý cơ quan về
việc điều chỉnh một số thông tin trong Hồ sơ công bố sản phẩm như sau:

*By this notice, based on Clause 4, Article 5, Decree 15/2018/ND-CP detailing some
contents of the Law on Food Safety, the Company informs the relevant authorities about the
adjustment of some information in the Product Announcement Dossier as follows:*

NỘI DUNG THAY ĐỔI/ *CONTENT OF CHANGES*

Bổ sung mã sản phẩm số 26 tại mục **II.3 Thời hạn sử dụng sản phẩm**, nội dung sau khi điều
chỉnh như sau:

*Add product code No.26 to Section **II.3 Product Shelf Life**. The revised content is as follows:*

- 6 ngày kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản (-2°C) – 2°C.
- *6 days from the date of production for products stored under conditions of (-2°C) – 2°C.*
- 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản ≤ -18°C.
- *12 months from the date of manufacture for products stored at conditions below -18°C.*

Ngày sản xuất xem trên nhãn, nhãn phụ.

MFG date can be found on the label or the sub-label.



STT. No	Mã sản phẩm – <i>Product code</i>	Hạn sử dụng - <i>Shelf-life</i>	
		Bảo quản mát/ <i>Chilled</i> (-2°C) - 2°C	Bảo quản đông/ <i>Frozen</i> ≤ -18°C
1	Dạ cỏ bò (Khăn lông) nguyên da - Green Tripe Skin-on	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
2	Dạ cỏ bò (Khăn lông) cao cấp - Premium Tripe	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
3	Dạ cỏ bò (Khăn lông) thường - Normal Tripe	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
4	Tổ ong bò có da - Honeycomb tripes skin-on	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
5	Tổ ong bò không da - Honeycomb tripes skin-off	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
6	Lá sách bò – Omasum	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
7	Múi khế bò – Abomasum	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
8	Lòng non bò lộn - Small Intestines (Reversed)	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
9	Lòng non bò cắt - Small Intestines (Cut)	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
10	Lòng già bò - Large Intestines	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
11	Thú Linh bò – Rectum	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
12	Khẩu Đuôi bò – Appendix	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
13	Tim bò – Heart	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
14	Cuống Tim bò – Aorta	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
15	Gan bò – Liver	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
16	Phổi bò – Lung	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
17	Lá lách bò – Spleen	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
18	Cuống Họng bò – Trachea	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
19	Thực quản bò – Esophagus	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
20	Màng Tim bò – Pancreas	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
21	Sỏi Mật bò - Gallbladder Stone	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
22	Dạ con bò – Uterus	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
23	Thận bò – Kidney	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
24	Lá lách cổ bò - Neck Sweetbread	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
25	Hồi tràng bò - Distal Ileum	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
26	Kabu (Abomasum) – Lõi khế bò	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>

Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không thay đổi với các thông tin đã công bố. Đính kèm là Hồ sơ Tự Công bố số 03/JVL-TD/2024 đã được điều chỉnh, bổ sung ngày 03/06/2025.

Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. assures that the product quality and information about the product's name, origin, and composition remain unchanged as desclared. Attached is the updated and supplemented Self-Declaration No. 03/JVL-TD/2024, dated 03/06/2025.

Kính đề nghị **Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc** tiếp nhận và lưu trữ thông tin hồ sơ sản phẩm, tạo điều kiện cho Đơn vị sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

*We respectfully request that the **Ministry of Agriculture and Rural Development Vinh Phuc** receive and maintain the product dossier information, as well as assist our unit's production and commercial activities to better serve customers.*

Xin trân trọng cảm ơn./.

Respectfully,

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu tại HCNS/ *Saved at HRGA*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
REPRESENTATIVE OF THE ORGANIZATION



YOICHI HARUMOTO

Handwritten signature